

Thụy Khuê

Nguyễn Bính (1919-1966)

Lỡ bước sang ngang

Bài thơ *Lỡ bước sang ngang* khi ra đời có lẽ không bao giờ ngờ rằng nó sẽ trở thành tác phẩm «báo mộng» cuộc đời Nguyễn Bính: Một đời lỡ bước, một đời tài hoa bạc mệnh. Một đời chia ly, phân kỳ, đoạn trường, tang liệm, một đời khát khao tình yêu và hạnh phúc. Tập *Lỡ bước sang ngang* mở đầu bằng bài thơ bạc mệnh ấy và kết thúc bằng hai bài *Chuyến tàu đêm* và *Đàn tôi*, cả ba đều là thơ bạc mệnh, như thể bao nhiêu nỗi buồn trên thế gian đều theo nhau vào thơ Nguyễn Bính.

Nguyễn Bính tên thật là Nguyễn Trọng Bính, sinh năm 1919, quê ở xóm Trạm, thôn Thiện Vinh, xã Đồng Đội, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Mồ côi mẹ từ lúc ba tháng. Không học ở trường mà học nhà với cha và cậu. Làm thơ từ lúc 13 tuổi. Được giải khuyến khích của Tự Lực Văn Đoàn năm 1937. Đến năm 1942, Nguyễn Bính đã có 7 tập thơ: *Lỡ bước sang ngang* và *Tâm hồn tôi* (in năm 1940), *Hương cố nhân* và *Một nghìn cửa sổ* (1941), *Người con gái ở lầu hoa*, *Mười hai bến nước*, *Mây tản* và *Bóng giai nhân* (1942).

Nguyễn Bính nổi tiếng ngay từ tập thơ đầu, *Lỡ bước sang ngang*. Người Việt từ Nam chí Bắc thuộc *Lỡ bước sang ngang*. Sự bình dân của Nguyễn Bính được Hoài Thanh giải thích trong *Thi Nhân Việt Nam*, như một lời khen, rằng Nguyễn Bính đã làm sống lại mỗi con người nhà quê trong chúng ta, nhưng ông lại tiếc rằng Nguyễn Bính làm thơ bình dân như thế thì «*khó lọt vào mắt những nhà thông thái*» và trách Nguyễn Bính đã nhà quê sao lại không nhà quê cho trót, mà thỉnh thoảng lại chêm vào những câu thơ rất «*tinh*», khiến «*người ta khó nhận thấy cái hay của những câu thơ khác có tính chất ca dao*». Tóm lại, theo Hoài Thanh, thơ Nguyễn Bính nhà quê và cái hay trong thơ Nguyễn Bính là nhờ giống ca dao. Cả hai nhận xét đều sai lạc, bề ngoài, vì không phải trong thơ cứ tả cảnh sống ở thôn quê là thành nhà thơ nhà quê, cứ có thôn Đông, thôn Đoài, có vườn dâu, nông tằm là có chất ca dao. Sau này, hai nhà phê bình khác đã cảm thông sâu sắc với định mệnh khát khe, đau buồn trong thơ Nguyễn Bính là Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng trong *Việt Nam Thi Nhân Tiên Chiến*, do Sông Mới tái bản năm 1968, tại Sài Gòn.

*

Thơ Nguyễn Bính bình dân, nhưng không quê mùa. Nguyễn Bính đã nhập hồn người dân quê, hồn người phụ nữ, để viết lại đời sống quê hương và dân tộc mình, bằng một giọng bình dân. Bình dân được như Nguyễn Bính không phải dễ. Nguyễn Bính nói hộ cả một thế hệ đàn bà, một thế hệ lỡ bước trong những cuộc hôn nhân dàn xếp, nói bằng ngôn ngữ của họ, bằng những thôn thức của họ. Nguyễn Bính *nói thơ chứ không làm thơ*. Ngôn ngữ thơ của ông là ngôn ngữ đối thoại giữa hai người, hoặc một người độc thoại với chính mình. *Cấu trúc thi thoại*, gồm đối thoại và độc thoại đã tạo nên thi ca Nguyễn Bính:

Em ơi, em ở lại nhà

Vườn dâu em đón, mẹ già em thương

Cấu trúc thi thoại nôm na gọi là *thơ nói* có từ thế kỷ XVIII, trong các truyện nôm.

Nền thơ nôm của chúng ta khá rục rờ trong thế kỷ XVIII với ba tác phẩm cột trụ: *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều (1741-1798), *Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tụ (1743-1790) và *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn do Phan Huy Ích (1750-1822) dịch (mà tới nay người ta vẫn coi là của Đoàn Thị Điểm, mặc dù Hoàng Xuân Hãn đã chứng minh về văn bản trong *Chinh phụ ngâm bị khảo* từ hơn nửa thế kỷ nay).

Cung oán và *Chinh phụ* là những khúc ngâm, tức là những lời tâm sự, than vãn của một người đàn bà; nói cách khác, đó là những «tự truyện» khổ đau; trong khi *Hoa tiên* là một truyện nôm thuần túy, tức là một cuốn "tiểu thuyết" viết bằng thơ. *Hoa tiên* mở đường cho những truyện nôm sau này như Quan Âm Thị Kính, Lục Vân Tiên, Bích Câu kỳ ngộ, Nhị Độ Mai, Nữ Tú Tài, Phan Trần.... và nhất là truyện Kiều của Nguyễn Du. Truyện nôm là một hình thức tiểu thuyết, mà trong tiểu thuyết phải có đối thoại. Vì vậy, trong truyện nôm luôn luôn có những chữ: nàng rằng, chàng rằng. Ví dụ trong *Hoa Tiên*:

Thưa rằng: Chút phận bọt bèo

Hậu sinh đã dám chơi trò sao nên

Hoặc trong *Quan âm thị kính*:

Chàng rằng: Giác bướm vừa say

Dao con nàng bỗng cầm tay kẻ gần

Thơ Nguyễn Bính kết hợp hai thể loại trên đây: *thể ngâm* của Cung oán và Chinh phụ và *thể thoai* của các truyện nôm: Hoa tiên, Kiều... Nói khác đi thơ Nguyễn Bính là tự truyện kết hợp với tiểu thuyết.

Tác phẩm *Lỡ bước sang ngang* cho thấy ảnh hưởng sâu sắc của hai dòng thi ca cổ điển này. Nếu *Cung oán* và *Chinh phụ* là những khúc ngâm của người đàn bà thế kỷ XVIII, thì *Lỡ bước sang ngang* là khúc ngâm của người đàn bà đầu thế kỷ XX. Khúc ngâm nào cũng gắn bó với hai niềm đau: Tình thế bi đát của đối tượng mà tác giả đưa ra, và niềm đau nội tâm của chính tác giả. Đối tượng trong *Cung Oán* và *Chinh phụ* chúng ta đã rõ. Đối tượng trong *Lỡ bước sang ngang*, ở ngay trong đề, là lời than của một thiếu phụ lấy người mà mình không yêu. Và đây cũng là bi kịch chung của người phụ nữ đầu thế kỷ XX mà những ngòi bút thời ấy không mấy ai không viết, từ Hoàng Ngọc Phách đến Khái Hưng, Nhất Linh, qua TTKh. Theo Bùi Hạnh Cẩn, anh họ của Nguyễn Bính, trong cuốn *Nguyễn Bính và tôi* (nxb Văn Hoá Thông Tin, tái bản 1999) thì đối tượng ngoài đời của bài thơ là Th, người yêu của nhà thơ Trúc Đường, anh ruột Nguyễn Bính. Nguyễn Bính đặt tên cho người đàn bà này là chị Trúc. Chị Trúc trở thành đối tượng của nhiều khúc ngâm. Trong những giây phút đau thương nhất của đời mình, Nguyễn Bính thường làm thơ gửi cho chị Trúc, viết về niềm đau của chị Trúc như niềm đau của chính mình. Chị Trúc là một nàng thơ, là một ảnh thật và ảnh ảo chập chùng. Thân phận lỡ làng, nổi trôi của chị Trúc cũng là thân phận lênh đênh lạc loài của Nguyễn Bính.

Lỡ bước sang ngang còn là một truyện nôm. Nguyễn Du khi viết truyện Kiều đã chịu ảnh hưởng của Nguyễn Huy Tự trong *Hoa tiên*, và Nguyễn Bính khi viết *Lỡ bước sang ngang* đã lấy Nguyễn Du làm mẫu.

Chúng ta thử đọc đoạn Thúy Kiều dặn dò Thúy Vân trước khi đi vào cuộc đời mưa gió, Nguyễn Du viết:

Cậy em, em có chịu lời

Ngôi lên cho chị lạy, rồi sẽ thưa

Giữa đường đứt gánh tương tư

Keo loan chấp mối tơ thừa, mặc em.

Nguyễn Bính viết:

Mẹ già một nắng hai sương

Chị đi một bước trăm đường xót xa

Cậy em, em ở lại nhà

Vườn dâu em đón, mẹ già em thương

Ảnh hưởng trực tiếp, rất thầy trò. *Lỡ bước sang ngang* có hơi thơ Nguyễn Du, có cái tâm Nguyễn Du, có lòng thành Nguyễn Du, có cách đưa đôi thoại vào thơ thần tình như Nguyễn Du. Bởi cả hai nhà thơ đều đã nhập vào hồn nhân vật mà họ diễn tả. Nguyễn Du nhập vào Kiều, viết hộ Kiều những lời tha thiết dặn dò Thúy Vân, trước khi bước vào quãng đời mưa gió. Nguyễn Bính nhập vào hồn người chị trước khi lấy chồng, dặn em những lời đau đớn xót xa:

Rồi đây sóng gió ngang sông

Đầy thuyền hận chị lo không tới bờ

Miếu thiêng vụng kén người thờ

Nhà hương khói lạnh, chị nhờ cây em

Đêm nay là trắng ba đêm

Chị thương chị, kiếp con chim lia đàn

Một vai gánh lấy giang san...

Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương

Mắt quầng, tóc rối tơ vương

Em còn cho chị lược gương làm gì!

Một lần này bước ra đi

Là không hẹn một lần về nữa đâu

Cách mấy mươi con sông sâu

Và trăm nghìn vạn dịp cầu chênh vênh

Cũng là thôi... cũng là đành...

Sang ngang lỡ bước riêng mình chị sao?

Lỡ bước sang ngang viết cho chị Trúc. Là tiếng bạc mệnh của một người chị, nhưng cũng là điệp «báo mộng» quãng đời lưu lạc của tác giả:

Mười năm gói hận bên giường

Mười năm nước mắt bữa thường thay canh

Mười năm đưa đám một mình

Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên

Mười năm lòng lạnh như tiền

Tim đi hết máu, cái duyên không về

Những năm bốn mươi ở Hà Nội, nghệ sĩ, thường không có kế sinh nhai, thơ không nuôi nổi người, phải đi nơi khác «kiếm ăn». Nguyễn Bính đi Nam khoảng 1941, lang bang vào Thanh Hoá rồi đến Huế:

Chúng tôi hai đứa xa Hà Nội

Bốn tháng hình như kém mấy ngày

Lăn lóc có dư mười mấy tình

Để rồi nằm mốc ở nơi đây (Giời mưa ở Huế, 1941)

Hai đứa đây là Nguyễn Bính và Vũ Trọng Can.

Từ Huế, Nguyễn Bính vào Nam, lại lang thang Rạch Giá, Hà Tiên, Sài Gòn, ngủ đình, ngủ chợ, nay tá túc chỗ này, mai ở nhờ chỗ khác. Sau này Kiên Giang đã viết những dòng cảm động, tả lại những nỗi «đoạn trường» nằm đất, quán nóp (một thứ túi ngủ) ngủ đình của Nguyễn Bính trong quăng đời lưu lạc này.

1945, cách mạng bùng nổ, Nguyễn Bính được mời tham gia kháng chiến, nhưng tặng Nguyễn Bính không hợp với thơ tuyên truyền, cho nên ông chỉ viết được những vần thơ khẩu hiệu, không hay:

Đánh! Đánh! Đánh! Chỗ nào cũng đánh

Hoặc những câu gượng gạo như:

Nếu quân thù không đem binh tiếp viện

Thì quân ta tiêu diệt hết quân thù.

Trong suốt thời gian chín năm gắn bó với cách mạng, những vần thơ hay nhất của Nguyễn Bính là những bài thơ ở Nam nhớ Bắc, rồi sau 54, về Bắc nhớ Nam: Mối tình đầu tiên và chân thật nhất của Nguyễn Bính là quê hương đất nước.

1954, tập kết ra Bắc, Nguyễn Bính để lại trong Nam người vợ và đứa con. Khi chủ trương tờ Trăm Hoa cùng với Nhân Văn Giai Phẩm, Nguyễn Bính viết bài *Tinh giắc chiêm bao*, trên báo Trăm Hoa, tháng 12/1956, với những câu thơ đấng cay, hai nghĩa, có thể hiểu là ông viết lại truyện nhân duyên trác trở của mình với người vợ Nam hay là với cách mạng, bởi đó là cuộc nhân duyên “*Chín năm đót đuốc soi rùng*” (1945-1954). Những tưởng: “*Duyên nhau đã dựng Trường- đình*” Nào ngờ: “*Mẹ em đã xé tan tành gói thêu*”.

Sau con bão táp Nhân Văn Giai Phẩm, Nguyễn Bính trở về Nam Định, sống quãng đời đen tối còn lại của những người đã trót gấn bó với phong trào. *Lỡ bước sang ngang* lại một lần nữa trở về trong định mệnh của Nguyễn Bính:

Chị giờ sống cũng bằng không

Coi như chị đã sang sông đắm đò

Một định mệnh tăm tối, u buồn, sa thải, cho đến lúc mất, trong cô đơn, bệnh tật, và đói, Nguyễn Bính vĩnh viễn ra đi vào ngày cuối cùng của năm Ất Ty, ngày 20/1/1966.

Thi pháp Nguyễn Bính

Nói về thi pháp Nguyễn Bính tức là nói về một dòng thơ không thi pháp. Nguyễn Bính đã vô hiệu hoá tất cả những quy luật về thi ca từ trước đến giờ. Bởi tất cả những lý thuyết về thơ, đại loại như: ngôn ngữ thơ phải là một thứ ngôn ngữ độc đáo phi thường, thoát khỏi phạm vi của lời nói hàng ngày. Nhà thơ phải bóp méo ngôn ngữ thông dụng bằng những thủ pháp ẩn dụ, hoán dụ, đảo ngữ... để đạt tới ngôn ngữ thơ, mà mỗi chữ phải có một giá trị riêng biệt, khác với công dụng của nó trong ngôn ngữ hàng ngày v.v... Nói khác đi, thơ phải là những câu với lời lẽ trác tuyệt như thơ Ôn Như Hầu: *Trái vách qué gió vàng hiu hắt / Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng*.

Tất cả những nguyên tắc ngôn ngữ thơ ấy đối với Nguyễn Bính đều vô dụng. *Thơ Nguyễn Bính chính là tiếng nói hàng ngày*, là ngôn ngữ chúng ta thường dùng để nói chuyện với nhau, không có gì khác cả, Thơ Nguyễn Bính là lời mẹ dỗ con gái trong buồng, trước khi nhà trai đến đón dâu:

Gái lớn ai không phải lấy chồng

Can gì mà khóc nín đi không

Nín đi mặc áo ra chào họ

Rõ quý con tôi các chị trông

*Ưong ương dở dở quá đi thôi
Cô có còn thương đến chúng tôi
Thì đứng lên nào, lau nước mắt
Mình cô làm khổ bấy nhiêu người
Này áo đồng làm quần lĩnh tiá
Này gương này lược này hoa tai
Muốn gì tôi sắm cho cô đủ
Nào đã thua ai đã kém ai (Người mẹ)*

Thơ Nguyễn Bính là lời người di thú thi dặn dò cháu gái trong đêm tân hôn:

*Di em khe khẽ tai em dặn:
Như thế...từ nay...cháu nhớ chưa?
Chết nhỉ! Đêm nay ngủ với chồng
Trời ơi! Gió lạnh! Góm mùa đông
Lặng yên níu áo di em lại
Ngủ nốt đêm nay có được không? (Giọt nén hồng, 35)*

Thơ Nguyễn Bính là lời cha thi sĩ, tha thiết khuyên con gái:

*Nhất kiêng đừng lấy chồng thi sĩ!
Nghèo lắm con ơi! Bạc lắm con! (Oan nghiệt)*

Từ Nguyễn Du, chưa ai viết được những lời thơ đối thoại thần tình như vậy.

Cái kinh nghiệm sống, kinh nghiệm đời ấy, Nguyễn Bính lấy từ đâu? Làm sao một cậu thanh niên chưa đầy hai mươi tuổi đã có thể nằm trong da thịt và tâm hồn người đàn bà hôn nhân ngang trái, để viết nên những hàng:

*Năm xưa đêm ấy giường này
Nghỉn răng... nhắm mắt... cau mày... cực chưa? (Lỡ bước sang ngang)*

Nguyễn Bính không chỉ dừng lại ở ngang trái. Nhà thơ hai mươi tuổi ấy đã đi hết trọn đời người và đã viết những câu thơ tiên tri cho định mệnh của chính mình:

Bao nhiêu đau khổ ngàn này tuổi

Chết cũng không non yếu nổi gì (Giới giảng)

*

Cho nên, sự độc đáo nhất của Nguyễn Bính là ông đã khuynh đảo tất cả những lý thuyết về ngữ học văn thơ từ trước đến giờ: thứ lý thuyết phân biệt giữa văn thơ và lời nói thông thường. Ông dùng ngôn ngữ hàng ngày để làm thơ, và thơ ông thường là một câu chuyện, ông kể lại những chuyện tâm thường nhất, ví dụ chuyện hai chiếc lá bàng rụng:

Thu đi trên những cành bàng

Chỉ còn hai chiếc lá vàng mà thôi

Hôm qua đã rụng một rồi

Lá theo gió cuốn ra ngoài sơn thôn

Hôm nay lá thấy tôi buồn

Lìa cành theo gió lá luôn qua song

Hai tay ôm lá vào lòng

Than ôi! Chiếc lá cuối cùng là đây (Cây bàng cuối thu)

Chỉ là câu chuyện hai chiếc lá vàng rụng, với những lời lẽ mộc mạc nhất, nhà thơ đã tạo nên một không gian chia lìa, một đời hoang lạnh, một tình yêu chớm nở giữa lá và người, trước khi lá kia nhắm mắt *Lìa cành theo gió lá luôn qua song*, người đã *Hai tay ôm lá vào lòng*.

Trong những trang cuối của tập *Lỡ bước sang ngang*, bài *Chuyến tàu đêm* đứng riêng một cõi. *Chuyến tàu đêm* là một chuyến tàu siêu thực, là tác phẩm đặc biệt của Nguyễn Bính ra khỏi quỹ đạo ngâm khúc và truyện nôm:

Gió lạnh, nghe chùng đêm thấy sâu

Mà con dò mộng đã sang đâu!

Qua song, một chuyến tàu đêm chạy

Một chuyến tàu đêm chạy rất mau

Những ánh đèn phai tựa nắng tà

Toa này toa khác nối liền toa

Chập chờn như một con giời lớn

Như một oan hồn hiển hiện ra

Tàu chạy hình như để chở buồn

Chở người đi nhớ kẻ về thương

Nâng bao nhiêu gót chân xinh đẹp

Tàu chạy đêm nay có lạc đường

...

Tàu biết bây giờ chạy đến đâu?

Đêm sâu hoàn trả lại đêm sâu

Bỏ đây một chiếc tàu kiêng đổ

Chở một toa tim nặng oán sầu

Bài thơ tả một chuyến tàu đi trong mơ, đi trong tâm linh, trong cô đơn hoang lạnh và không dừng lại ở ga hồn người chờ đợi. Tính chất siêu thực không đến từ thủ pháp ghép chữ lạ như những nhà thơ khác vẫn làm, mà đến từ những chữ rất bình thường như «tàu đêm» «cháy», « chập chờn như một con giời lớn». Sự lộng lẫy ma quái của «con giời» ẩn chứa tất cả các thể lỏng, thể đặc, sự thay đổi hình hài, biến thiên màu sắc, tạo ra cái ghê rợn trầm uất của một con tàu ma « chở một toa tim nặng oán sầu». Tiếc rằng nhiều bản in đã sửa "con giời" thành "con dơi", chứng tỏ người sửa không hiểu gì về thi ca.

Nỗi đau nơi Nguyễn Bính đã nhập vào ngũ tạng nó không phải là nỗi đau lãng mạn, mà đã trở thành nỗi đau nội tâm và ý thức. Rồi bài *Quán lạnh* vẫn tác giả là cậu thanh niên hai mươi tuổi ấy dẫn chúng ta đến một hội ngộ bất ngờ khác:

Mùa thu đến chậm như chưa đến

Lá vôi rơi theo gió vôi vàng

Sương đã dâng lên, chiều lắng xuống

Bến đò đã tắt chuyến sang ngang

Dem theo cát bụi đường xa lại

Tráng sĩ dừng chân khẽ thở dài

Hơi lạnh đằm đìa trong quán lạnh

Người ta đóng giờ chiếc quan tài (Quán lạnh)

Trên cuộc đời không nguôi lữ thứ, quán là nhà, lạnh là bạn.

Nhà thơ tráng sĩ hạnh ngộ với chiếc quan tài, với nỗi chết giữa đường.

Nguyễn Bính nhỏ lệ khô bằng những gieo âm bất ngờ “*Mùa thu đến chậm như chưa đến*”. Tại sao lại “*như*” ở đây? Ở chỗ không ngờ nhất? Rồi đến “*lá vôi rơi theo gió vôi vàng*”. Lại nữa, hai lần vôi, *lá vôi* và *gió vôi*. Tiếp theo là “*Hơi lạnh đằm đìa trong quán lạnh*”, lại thêm hai lần lạnh. Tất cả những bất ngờ, không chờ, không đợi ấy, dội lên không gian hoang vắng của “*bến đò đã tắt chuyến sang ngang*”, dẫn đến bất ngờ cuối cùng là nỗi chết: “*người ta đóng giờ chiếc quan tài*”.

Những *buồn, lạnh, vôi, tạm*, gặp nhau trong cái quán này. Quán của niềm đau và nỗi chết. Thi sĩ như cái quan tài phiêu lưu, lang bạt, nay chỗ này mai chỗ khác, một cái chết lưu vong, cái chết lữ thứ, cái chết lạc loài, không chôn đở:

Sáng mai xuôi ngược về đâu nhỉ

Nào biết về đâu kẻ ngược xuôi (Ngược xuôi)

Đời và thơ bạc mệnh

Nguyễn Bính xuất hiện lần đầu trên văn đàn năm 1936 với bài *Mưa xuân*.

Trong *Mưa xuân* đã thấy xuất hiện hai đặc điểm: *thơ ngâm* và *thơ thoai*. Nhờ hai yếu tố này mà thơ Nguyễn Bính sớm đi vào lòng người. *Mưa xuân* kể chuyện một cô gái quê đợi gánh chèo về làng hát trong dịp tết để gặp người yêu.

Thời ấy làm thơ về cuộc sống thôn quê là một nhu cầu, một "tất yếu", hầu như nhà thơ nào cũng viết dăm ba "bức tranh quê". Nhờ sự lựa chọn của Hoài Thanh trong Thi Nhân Việt Nam mà nhiều bài sau này trở thành bài học thuộc lòng cho

học sinh như thơ của Đoàn Văn Cừ, Anh Thơ, Tế Hanh, Bằng Bá Lân... , những câu dễ đọc, dễ nhớ:

Chiều hôm đón mát cổng làng

Gió hiu hiu thổi mây vàng êm trôi (Bằng Bá Lân)

Thơ Nguyễn Bính cũng dễ đọc, dễ hiểu, nhưng không thể trở thành bài học thuộc lòng cho trẻ nhỏ, bởi nó có tình và nó đi ra ngoài quỹ đạo “ngây thơ” của những “bức tranh quê” cùng thời. Dù với giọng rất vô tư, thơ Nguyễn Bính luôn luôn chở cái bi đát của số phận. Tính chất bi đát gắn bó với hai chữ bạc mệnh, tiềm ẩn ngay trong những câu thơ tưởng như vui nhất của bài *Mưa xuân*:

Em là con gái trong khung cửi

Dệt lụa quanh năm với mẹ già

Lòng trẻ còn như cây lụa trắng

Mẹ già chưa bán chợ làng xa (Mưa xuân)

Lời người con gái tự giới thiệu mình: nàng ví nàng như cây *lụa trắng* mà mẹ chưa đem *bán*. Nếu nói thơ Nguyễn Bính có chất ca dao, thì quyết không phải là ở những yếu tố ngoài da như thôn Đông, thôn Đoài, mà ở đây, gói trọn trong câu “*mẹ già chưa bán chợ làng xa*” đã có chất ca dao (*thân em như tấm lụa đào, nắng mưa giữa chợ biết vào tay ai*). Rồi nhờ ở chữ *bán*, nó còn có chất Nguyễn Du (*rẽ ra cho thiệp bán mình chuộc cha*) nữa.

Ngay trong những câu thơ “khai bút”, ở tuổi 18, Nguyễn Bính đã nhìn thấy số phận *bán mình* của người phụ nữ, một ảnh hưởng Kiều và ca dao giao thoa trong tư tưởng.

Người con gái quê trong bài thơ *Mưa xuân* ấy, rất mới, nàng đợi người tình trong đêm hát chèo, lòng say đắm:

Thôn Đoài vào đám hát thâu đêm

Em mãi tìm anh chả thiết xem

Chắc hẳn đêm nay giường cửi lạnh

Thoi ngà nằm nhớ ngón tay em (Mưa xuân)

Hai câu: *Chắc hẳn đêm nay giường cửi lạnh / Thoi ngà nằm nhớ ngón tay em* chứng minh một thiên tài vừa xuất hiện, với hai hình ảnh đắt giá “*đêm nay giường cửi lạnh*” và “*thoi ngà nằm nhớ ngón tay em*”, nhẹ nhàng, thanh thoát, tự

nhiên như lời nói, nhưng về mặt nghệ thuật thi ca là những hình ảnh tuyệt vời, sâu sắc, hiếm quý, khơi gợi nhục tình.

Nhưng gã trai lỗi hẹn, và:

Bữa ấy mưa xuân đã ngại bay

Hoa xoan đã nát dưới chân giày

Hội chèo làng Đặng về ngang ngõ

Mẹ bảo: “*Mùa xuân đã cạn ngày*” (Mưa xuân)

Nhưng người tình không đến, hội làng đã hết: *mưa xuân đã ngại bay*, và *hoa xoan đã nát dưới chân giày*, lại những hình ảnh tuyệt vời nữa. Tất cả chấm dứt bằng lời mẹ “*xuân đã cạn ngày*” như một chung kết cho tàn lụi: xuân đã chết.

Thơ xuân Nguyễn Bính, ngay trong buổi đầu đời, đã gắn bó với bất hạnh, đôn đau, tuyệt vọng, lụi tàn: Sự bạc bẽo của người tình ngay trong mùa xuân đã trở thành vết thương vĩnh viễn trong thi ca Nguyễn Bính:

Nhưng rồi người khách tình, xuân ấy

Đi biệt không về với... bến sông

Đã mấy lần xuân trôi chảy mãi

Mấy lần cô gái mới mơn trông (Cô lái đò)

Đó chính là cái khác biệt sâu xa giữa những câu thơ “quê mùa” của Nguyễn Bính với những “bức tranh quê” cùng thời: các nhà thơ khác chỉ viết ra những lời tả cảnh, vui tươi, nhộn nhịp cảnh chợ, cảnh làng, cho học trò học.

Nguyễn Bính lấy cảnh quê làm nền để vẽ bi kịch của con người khuất sau, mà luôn luôn là bi kịch của người phụ nữ bị bỏ rơi, bị phản bội, bi kịch của người bạc mệnh.

Nếu chiếu vào thân phận Nguyễn Bính, người bạc mệnh ấy chính là Nguyễn Bính.

Ra đời được ba tháng thì mẹ mất, không được học trường, học ở nhà với cha và cậu. 13 tuổi làm thơ. 15 tuổi lang thang lên Hà Nội “lập thân”, làm nghề bán báo. 18 tuổi (1936) có thơ đăng báo. 19 tuổi (1937) được giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn. 20 tuổi (1938), trở thành một trong những nhà thơ nổi tiếng nhất thời ấy...

Nhưng chìm sâu trong tâm thức Nguyễn Bính, vẫn có một mặc cảm u buồn về bản thân, không mẹ, không được học “đến nơi đến chốn”:

Còn tôi sống sót là may

Mẹ hiền mắt sớm giờ đây làm thơ (Nhà tôi).

Cái mặc cảm ấy có vì người đời đã “dạy” cho Nguyễn Bính. Dạy bằng nhiều cách. Dạy suốt cuộc đời.

Nữ sĩ Mộng Tuyết kể lại khi Nguyễn Bính đến tá túc nhà ông bà ở Hà Tiên: “*Người khách thâm thấp. Phong trần hiện trên mớ tóc đen rậm, rối bồng, dài tới mang tai. Bộ âu phục cũ nhàu nát làm cho người tăng thêm phần tiêu tụy (...)*Trong khi nghe anh Đông Hồ và tôi bàn chuyện Tam Quốc Chí, Bính không góp chuyện được, vì Bính chưa từng đọc Tam Quốc bao giờ. Bính thấy xấu hổ, cũng như đã xấu hổ vì chưa biết đi xe đạp. Càng xấu hổ, khi thấy tôi và Đông Hồ tỏ vẻ ngạc nhiên vì sao mà Nguyễn Bính lại có thể chưa đọc Tam Quốc Chí. Thế rồi, Bính về tìm trong Vạn Vạn Quyển Lâu, đọc ngẫu nhiên, suốt mấy đêm liền, hết bộ truyện” (trích *Để nhớ Nguyễn Bính những ngày ghé bến Hà Tiên*, Văn số 60, ra ngày 15/6/66 tại Sài Gòn, trang 52 và 55).

Nữ sĩ Anh Thơ, ghi lại trong hồi ký mối tình của bà với B, “*người trong mộng, người lý tưởng, người tôi yêu bằng cả trái tim thơ tha thiết*” rằng hai người đã “*tha thiết yêu nhau*” qua thư từ. Và bà kể lại về lần gặp mặt: “*Tôi nhớ lại cảnh Kim Trọng “lông buông tay khâu, bước lẫm dậm băng” gặp Thúy Kiều. Chàng là một thi sĩ thủ đô, hẳn là hết sức trang nhã, biết mọi kiểu cách lịch sự để quý yêu tôi... Bỗng từ quán nước đầu cầu sông Thương, một anh chàng thân hình lùn ngắn, cái đầu hơi to, sù lên những tóc, tay vát vội chiếc điếu cày đang hút dở, xông lại trước mắt tôi, nhe hai hàm răng đen cău nhựa thuốc, cười sát mặt tôi...*” (Từ bến sông Thương, nxb Văn học 1986, trang 101).

Rồi bà giải thích sự tan vỡ này bằng cử chỉ của Nguyễn Bính “*một cái hôn bất ngờ chộp lên má tôi*”, khiến bà phải “*thất thanh*” gọi anh bà, bởi bà là “*con nhà nề nếp*” cho nên “*không thể nào yêu được B, nên B luôn luôn bị thất vọng, từ cô này tới cô khác, và phải tìm quên ở tiệm hút, lầu xanh*” (sđd, trang 103).

Đây là nhận xét của hai nữ sĩ. Đến nhà phê bình Hoài Thanh và nhà thơ Xuân Diệu, sự phê phán có tính chất “văn học” hơn.

Trong bài *Chân quê* có câu: *Hôm qua cô đi tỉnh về / Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều*, (ý trách người con gái quê ra tỉnh học đòi theo một thị thành). Nhưng

nhà phê bình Hoài Thanh (1) lại "vận" hai câu thơ đó vào thân Nguyễn Bính, một tác giả nhà quê, hơi có ngụ ý vô học nữa.

Về Xuân Diệu, điều đáng trách nhất ở ông, là trong thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm, Xuân Diệu đã thực sự trở thành bồi bút, viết bài mạ ly Lê Đạt, tố cáo Văn Cao và riêng đối với Nguyễn Bính cư xử rất tàn tệ. Lại Nguyên Ân, trong bài nghiên cứu, tựa đề: “*Xuân Diệu trong những năm 1954-58*”, cho biết: “*Tác phẩm mới (1969-1976) mà Xuân Diệu là một trong số vài ba nhân vật chủ chốt cầm lái, đã hầu như không nhắc gì đến Nguyễn Bính, đã làm như không hề có Nguyễn Bính trong nền thơ Việt thế kỷ XX (...) Phải nhờ có dư luận văn nghệ miền Nam nhắc nhở, tên tuổi Nguyễn Bính mới được sống lại với công chúng miền Bắc từ 1986*”.

Nghệ thuật tạo sâu gây tương tư

Người ta chỉ yêu thơ Nguyễn Bính, yêu sự nổi tiếng của thi nhân, nhưng khi gặp mặt, người ta vỡ mộng, người ta chê nhếch nhác quá, người ta chờ đợi một tao nhân mặc khách Hà thành. Không ai lấy một nhà thơ lang bạt, chẳng có nghề gì để nuôi thân:

Không ai chôn cất hộ lòng tôi

Mối lái cho tôi lấy một người (Vườn hoang)

Tất cả phũ phàng của những “người yêu”, mà thư tình đầy ắp những hộp bích quy, như Tô Hoài thuật lại, dẫn đến điều lạ lùng và cũng dễ hiểu là những mối tình tha thiết nhất trong tâm hồn, Nguyễn Bính thường dành cho những người đàn bà không quen: Người hàng xóm, Cô lái đò, Cô hái mơ, Dòng dư lệ, Viếng hồn trinh nữ... tất cả đều... không quen, vậy mà “*bao nhiêu đau khổ của trần gian trời đã dành riêng để tặng nàng*” Nguyễn Bính đều biết cả. Mối cảm thông của Nguyễn Bính với những người phụ nữ mệnh yếu, bị tình phụ, ngoài tâm sự của chính mình, còn là sự giao cảm của nhà thơ với định mệnh, với cái chết, tương tự như mối linh cảm giữa Kiều và Đạm Tiên. Sự cảm thông tình yêu qua cái chết, giải thích mối linh ứng diệu kỳ giữa những người không quen ấy:

Nàng đã qua đời để tới nay

Có chàng đi hứng gió heo may

Bên hồ để mặc mưa rơi ướt

Đếm mãi băng quơ những dấu giày...

*Người ấy hình như có biết nàng
Có lần toan tình chuyện sang ngang
Nhưng hôn nàng tựa con thuyền bé
Đã cắm nghìn thu ở suối vàng*

*Có gì vừa mắt ở đâu đây?
Lòng thấy mềm như rượu quá say
Hoảng hốt chàng tìm trong bóng tối:
Bàn tay lại nắm phải bàn tay*

....

*Tôi với nàng đây không biết nhau,
Mà tôi thương tiếc bởi vì đâu?
Mỹ nhân tự cổ như danh tướng
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu. (Viếng hôn trinh nữ)*

Nhưng còn một yếu tố khác, đã khiến thơ Nguyễn Bính rung động nhiều thế hệ lòng người: âm điệu. Bất cứ người Việt nào xa nước đã lâu không về, tình cờ nghe thấy một âm giai ngũ cung, trong lòng không khỏi gợn lên chút gì, như tiếng sóng. Những tiếng ru, tiếng ngâm, thường cũng gọi trong lòng họ những tiếng rì rào thâm thĩ. Thơ Nguyễn Bính, là một hợp âm có thể gây ra trong lòng người Việt những tiếng sóng ngầm như thế:

*Gió đưa xác lá về đòng,
Thu sang nhuộm cả sầu thương một trời
Sầu thương quyện lấy hôn tôi*

Đêm qua ngồi đọc thơ người xa xăm

Một nghìn năm, một vạn năm,

Con tầm vẫn kiếp con tầm vương tở

Tặng người gọi một giọng thơ,

Hay là giọng nước mắt thừa đêm qua. (Dòng dư lệ)

Bởi âm nhạc trong thơ ông là những âm giai quen thuộc của lục bát, giọng lên đều đều như tiếng ru ả ời, thêm tiếng định mệnh Kiều, tiếng than chinh phụ. Thơ Nguyễn Bính là hợp âm của nhiều thứ “tiếng” ấy, nó là một thứ âm giai ngũ cung trong lòng người Việt. Bởi thế, khi Nguyễn Bính nói lên tình yêu giữa những người không quen, giữa "tôi và nàng tuy không biết nhau", tưởng như cái gì không thực nhưng vẫn làm tan nát lòng người. Bởi người ta không yêu Nguyễn Bính trong đời thực. Đời thực chỉ có sự giả dối và phản bội. Nguyễn Bính đã tạo ra đời mộng để yêu và được yêu. Những người không quen biết nhau ấy đã gặp nhau trong mộng. Họ là những giấc mơ bạc mệnh của nhau. Họ sống mơ nhưng yêu thật, yêu cái mệnh bạc, yêu những giấc mơ vắn số, yêu sự cô đơn của chính mình. Phần hồn của kẻ cô đơn, tự chẻ đôi chẻ ba ra cho có bạn và mỗi nửa riêng lẻ, mỗi phần xẻ ra ấy, tự cảm thấy không còn cô đơn nữa:

Những một mình em uống rượu hồng (Xuân tha hương)

Hoặc:

Chân bước hững hờ theo bóng lẻ

Một mình làm cả cuộc phân ly (Những người trên sân ga)

Những câu thơ lạc ra ngoài nỗi cô đơn thông thường của nhân thế, bởi cái tôi nơi đây đã tự chẻ đôi chẻ ba ra, tự lũng thừa mình, tạo một cuộc sống tâm linh mới lạ, đốn đau và ngoạn mục mà dường như chỉ Nguyễn Bính nắm bắt được nghệ thuật biệt cách ấy: *nghệ thuật tạo sâu* Nguyễn Bính. *Nghệ thuật tạo sâu* của nhà thơ dựa trên tính chất bạc mệnh, yếu số của những giấc mơ, không chỉ nằm trong những bài thơ có chủ đề trực tiếp như *Viếng hồn trinh nữ*, *Dòng dư lệ*... mà còn bàng bạc ở cả những bài thơ vui như *Cô hái mơ*:

Thơ thần đường chiều một khách thơ

Say nhìn xa rặng núi xanh lơ

Khí trời lặng lẽ và trong trẻo

Thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ

Hỡi cô con gái hái mơ già
Cô chưa về ư? Đường còn xa
Mà ánh trời hôm dần một tắt
Hay cô ở lại về cùng ta?
Nhà ta ở dưới gốc cây dương
Cách động Hương Sơn nửa dặm đường
Có suối nước trong tuôn róc rách
Có hoa bên suối ngát đưa hương

Cô hái mơ ơi!
Chẳng trả lời nhau lấy một lời
Cứ lặng rồi đi, rồi khuất bóng
Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi (Cô hái mơ)

Cả bài thơ là một giấc mơ, từ “ta” đến *cô hái mơ*, đến *rừng mơ*... may ra chỉ hai chữ *Hương Sơn* là thật. Giấc mơ trên động Hương Sơn. *Cô hái mơ* là một trong những bài thơ đầu tiên của Nguyễn Bính. Phạm Duy khi chọn bài thơ để phổ nhạc bài ca đầu tiên của đời mình đã có con mắt tinh đời: người nhạc sĩ trẻ tuổi ấy, đã nhìn thấy ở *Cô hái mơ*, không chỉ là một thực thể hữu hình, mà nàng còn là hiện thân của giấc mơ, hiện thân của sự sáng tạo, *Cô hái mơ* khai phóng những giấc mơ bạc mệnh của thi nhân, của nghệ sĩ.

Hết rù rê lời là “*hay cô ở lại về cùng ta*”, đến tiếng gọi khẩn khoản tha thiết: “*Cô hái mơ ơi!*”, nàng cũng chẳng thềm trả lời, nàng “*cứ lặng rồi đi, rồi khuất bóng*”, một cách rất liêu trai, huyền mộng, bởi tất cả chỉ là cuộc độc thoại của nhà thơ với chính mình. Trong rừng mơ có ai đâu, ngoài kẻ có khả năng chế mình làm hai để thoát khỏi cô đơn, để tạo thêm một đời sống nội tâm khác, ngoài mình, lũy thừa *một mơ* thành *rừng mơ* hiu hắt lá mơ rơi.

Nghệ thuật tạo sâu của Nguyễn Bính phát xuất từ khả năng lũy thừa vô cùng biến ảo và liêu trai ấy, từ cách vận hoá tâm hồn ấy, Nguyễn Bính có những câu thơ tuyệt vời:

Hồn anh như hoa cỏ may.

Một chiều cả gió bám đầy áo em (Hoa cỏ may)

Hoặc ngược lại, nhà thơ có thể hội tụ vạn tâm hồn trong một:

Cả kinh thành có những ai?

Cả kinh thành có một người mất nhưng (Mất nhưng)

Nguyễn Bính dường như đã nắm trọn bí quyết làm xiêu đổ lòng người qua nghệ thuật phân kỳ và hội tụ cảm xúc và tâm linh.

*

Cô hàng xóm, đối với chúng ta, là hình ảnh gần gũi, thân quen. Nguyễn Bính có cô hàng xóm ấy thân quen ấy trong bài *Xuân về*:

Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm

Ngước mắt nhìn trời, đôi mắt trong

Nhưng nhà thơ còn có *Người hàng xóm*, một đối tượng khác. Rất khác. Bởi *người khác cô*. *Người* là người lạ, không quen. Ở cái quan hệ không quen không biết gì về nhau ấy, Nguyễn Bính đã viết nên bài thơ, có lẽ là một trong những bài thơ tình đẹp nhất của thể hệ ông. Đây là một bài thơ liên hoàn, không thể đọc câu trên mà không đọc tiếp câu dưới, lời lẽ hoàn toàn là ngôn ngữ hàng ngày, nhưng keo sơn gắn bó với nhau như một điệu nhạc, một âm giai ngũ cung bám vào hồn người Việt:

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi

Cách nhau cái dậu mùng toi xanh rờn

Hai người sống giữa cô đơn

Nàng như cũng có nỗi buồn giống tôi

Giá đừng có dậu mùng toi

Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng

Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng

Có con bướm trắng thường sang bên này...
Bướm ơi, bướm hãy vào đây
Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi
Chả bao giờ thấy nàng cười
Nàng hong tơ ướt ra ngoài mái hiên
Mắt nàng đăm đăm trông lên
Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi
Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi
Tôi buồn tự hỏi: hay tôi yêu nàng?
Không, từ ân ái nhớ nàng.
Tình tôi than lạnh tro tàn làm sao!
Tơ hong nàng chả cất vào
Con bướm bướm trắng hôm nào cũng sang.
Mấy hôm nay chẳng thấy nàng
Giá tôi cũng có tơ vàng mà hong
Cái gì như thể nhớ mong?
Nhớ nàng? Không, quyết là không nhớ nàng!
Vâng, từ ân ái nhớ nàng
Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng ngày xưa
Tầm tầm giời cứ đổ mưa
Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm!
Cô đơn buồn lại thêm buồn
Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi?
Hôm nay mưa đã tạnh rồi

Tơ không hong nữa, bướm lười không sang

Bên hiên vẫn vắng bóng nàng

Rung rung tôi gục xuống bàn... rung rung...

Nhớ con bướm trắng lạ lùng

Nhớ tơ vàng nữa, nhưng không nhớ nàng

Hỡi ơi bướm trắng tơ vàng

Mau về mà chịu tang nàng đi thôi

Đêm qua nàng đã chết rồi

Nghẹn ngào tôi khóc, quả tôi yêu nàng

Hồn trinh còn ở trần gian

Nhập vào bướm trắng mà sang bên này

Bài thơ gói trọn tâm hồn và phong cách Nguyễn Bính: lung linh giữa mơ và thực. *Người hàng xóm*, nàng là mẫu người mệnh yếu, nàng có thật hay chỉ là giấc mơ nghệ sĩ, là sự chẻ đôi của tâm hồn? Là độc thoại của tình yêu, nàng là thơ thoại: nàng mang không gian và thời gian Nguyễn Bính, phản ánh những cuộc tình chết yếu, những cuộc tình chưa ngộ, chưa dám ngộ, những cuộc tình *bướm trắng* trong mơ, những bất hạnh khổ đau trên con đường tìm hạnh phúc. Nàng giao liên giữa sự sống và cái chết, trong nỗi hoá kiếp Trang Chu. Nàng là mối hoài nghi: nhớ thương-thương nhớ? Nàng là sự phủ định lòng mình, là sự nói dối thành thật và thiêng liêng nhất của con người trước tình yêu và cái chết.

Cõi nhớ trong Mười hai bến nước

Xa xôi ai nhớ mà thương nhớ

Mà nhớ mà thương đến thế này

Hai câu thơ trong bài *Giời mưa ở Huế* dẫn chúng ta bước vào bầu trời nhớ của Nguyễn Bính, không gian bất tận bao trùm lên toàn bộ thơ Nguyễn Bính như màn sương tâm hồn vừa phủ vừa trụ vào *cõi nhớ* để tạo nên nghệ thuật thi ca.

Cõi nhớ Nguyễn Bính cũng lại khởi đi từ hồn thơ Tố Như:

Sầu đông càng lắc càng đầy

Ba thu dồn lại một ngày dài ghê (Kiều)

Nguyễn Bính:

Ví chăng nhớ có như tơ nhỉ

Em thử quay xem được mấy vòng

Ví chăng nhớ có như vừng nhỉ

Em thử lèo xem được mấy thương! (Nhớ, 1936)

Bính đông, Bính đêm niền nhớ như Nguyễn Du đã đông, đã lắc nổi sầu.

Để đo Nguyễn Du dùng ngày tháng.

Để lường Nguyễn Bính dùng dây tơ.

Nhưng trẻ tuổi, nóng tính, Bính không dẫn được nhục cảm:

Anh ơi! Em nhớ em không nói!

Nhớ cứ đây lên cứ rồi lên (Nhớ)

Đó mới chỉ là nỗi nhớ có đôi phần sôi nổi, những định nghĩa lý tính hay dục tính chưa nhuần lắm. Bài *Chân quê*, sâu lắng hơn, nhà thơ, đem nỗi nhớ chan lên những câu thơ không có nhớ:

Nào đâu cái yếm lụa sồi?

Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?

Nào đâu cái áo tứ thân?

Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen? (Chân quê)

Tuyệt không một chữ *nhớ*, nhưng ở mỗi: *nào đâu*, là một vấn mình về nỗi nhớ, là một trách móc người yêu sao lại đánh mất y phục, đánh mất quá khứ, đánh mất chính mình.

Hôm qua em đi tỉnh về

Đợi em ở mãi con đê đầu làng

Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng

Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!

Nào đâu cái yếm lụa sồi?

Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?

Nào đâu cái áo tứ thân?

Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?

Nói ra sợ mất lòng em

Van em em hãy giữ nguyên quê mùa

Như hôm em đi lễ chùa

Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.

Hoa chanh nở giữa vườn chanh

Thầy u mình với chúng mình chân quê

Hôm qua em đi tỉnh về

Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều (Chân quê)

Nhà thơ không chỉ trách cô gái quê đi tỉnh đã học đòi một “*khăn nhung quần lĩnh*” làm mất hương thơm đồng nội đi, mà còn là lời cầu khẩn tha thiết của một người tình, gắn bó với gốc gác cội nguồn “*van em em hãy giữ nguyên quê mùa*”, và đào đến bản thân nỗi nhớ trong con người: trong thâm tâm, *nhớ* chính là cái mà mình đã mất, mình đã đánh mất, mình đã mất mình, mình bị tha hoá. *Chân quê* là bài thơ về tất cả những sự đánh mất mình, không chỉ xảy ra ở thôn quê, với người con gái quê mà có thể xảy ra cho bất cứ ai, bất cứ ở đâu.

Cho nên khi Hoài Thanh viện vào *Chân quê* để chê Nguyễn Bính nhà quê là đã không phải, rồi những người bên vực Nguyễn Bính (Tô Hoài, Bùi Hạnh Cẩn, Đức Trân, Nguyệt Hồ...) đưa ra lập luận: đây là Bản tuyên ngôn thơ của Nguyễn Bính chống lại các kiểu thơ lai căng, Âu hoá tới mức lộ liễu (ý nói thơ Xuân Diệu), cũng lại không phải nữa, vì năm 1936 cả Nguyễn Bính lẫn Xuân Diệu đều mới có thơ đăng báo, chưa nổi tiếng đến mức gây tranh luận.

Nhớ còn là một cảm tình, nó có khả năng lan rộng ra không gian, nối một địa điểm (như thôn Đông) với lòng người (thôn Đoài):

Thôn Đoài ngòi nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười thương một người (Tương tư)

Thôn Đông và thôn Đoài là hai địa điểm, nhờ hai chữ *ngòi nhớ* chúng trở thành người. Rồi *ngòi nhớ* tạo nên một vũ trụ: *vũ trụ tương tư*, vũ trụ một chiều của lòng mong nỗi nhớ. Như vậy *thôn Đông* và *thôn Đoài* chỉ đứng làm cảnh cho Nguyễn Bính nói về niềm *nhớ*, chúng là quân cờ cho nỗi nhớ để nhà thơ thú nhận tình yêu của mình:

Gió mưa là bệnh của trời

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng (Tương tư).

Nhưng tiền thân của nỗi nhớ là gì?

Là sự vắng mặt. Vắng mặt là bắt đầu, là bào thai, là xuất xứ của *nỗi nhớ*:

Vắng bóng cô em từ dạo ấy

Để buồn cho những khách sang sông (Cô lái đò)

Và *say* là thuốc chữa bệnh nhớ: “*Chén ứa men lành lạnh ngón tay*” của Nguyễn Bính xứng đáng đứng cạnh “*huong gậy mùi nhớ trà khan giọng tình*” của Nguyễn Du.

Nguyễn Bính đã bắt được cơ nguyên của nỗi nhớ, những bài thơ hay của ông luôn luôn đi từ hai nguồn: *Nhớ* và *Say*. Và Huế là một địa điểm quan trọng trong đời Nguyễn Bính: từ Huế Nguyễn Bính vào Nam và dường như không trở lại Bắc nữa, cho đến 1954, Huế còn là một chuyển biến trong thơ Nguyễn Bính, từ *thơ bạc mệnh* sang *thơ quan hoài*.

Thơ quan hoài

Hiện nay chưa biết rõ Nguyễn Bính đi Nam lần đầu năm nào, có thể khoảng 1939, vì trong tập *Lỡ bước sang ngang* (in năm 40) có bài *Lá thư về Bắc*.

Theo Tô Hoài, trong *Những gương mặt* (nxb Tác phẩm mới, 1988), thì “*Quãng những năm 1940, đói rách quá, ở Hà Nội ăn bám anh em mãi không còn được, chúng tôi đành phải kéo nhau đi kiếm ăn nơi xa xôi. Lúc đầu đi ba người Nguyễn Bính, Vũ Trọng Can và tôi*” (trang 110). Bùi Hạnh Cẩn ghi Vũ Trọng Can và Nguyễn Bính, và thơ Nguyễn Bính cũng chỉ ghi có hai người:

Chúng tôi hai đứa xa Hà Nội

Bốn tháng hình như kém mấy ngày.

Lăn lóc có dư mười mấy tỉnh,

Để rồi nằm mốc ở nơi đây.

Thuốc lào hút mãi người ra khói,

Thơ đọc sưng tình hết cả say.

Túi rỗng nợ nần hơn chúa Chổm,

Áo quần trộm mượn, túng đồ thay. (Giời mưa ở Huế)

Vẫn theo Tô Hoài, ít lâu sau, Trọng Can và Tô Hoài trở về Hà Nội, Nguyễn Bính ở lại Huế và sau vào Sài Gòn. Trong thời gian ở Huế, Nguyễn Bính đã làm một số thơ tuyệt hay sau này tập hợp lại trong tập *Mười hai bến nước*.

Mười hai bến nước viết đề tạ lòng một người tri âm vô danh vắng mặt. Nội dung tập hợp những bài, phần lớn làm ở Huế, nhớ về Hà Nội, trong khoảng thời gian 1941- 1942. Tập thơ khai trương và tổng kết quá khứ đau thương của một đời giang hồ, mà *say* và *nhớ* là hai biệt chất dựng nên thơ, cô đọng thành thơ, như thể cậu thanh niên hai mươi tuổi ấy, bỗng “*một đêm mái tóc quá quan thay màu*”, không những đã sống trọn đời này, mà còn sống lùi về dĩ vãng của đời trước. Huế xưa, Huế nay, Bính trẻ, Bính già, Bính say, Bính tỉnh, như thế nào thì *Nhớ* và *say* cũng trào lên nét bút như thế.

Nhà thơ thả hồn mình chia ba chia bảy vào cõi nhớ của kiếp giang hồ.

Hơi thơ ở đây không giống những tập thơ khác, đặc cách và cổ kính hơn. Như thể chất tím Huế đã nhuộm vào thơ, nước sông Hương làm buốt hồn thơ.

Đến đây để “kiếm ăn” và cũng để trốn chạy chính mình, tìm xa niềm đau cũ:

Chiều nay tôi chấp tay tôi lại,

“Đừng gặp người xưa nữa, lạy giờ!” (Hoa với rượu).

Xa đất Bắc, Nguyễn Bính đã viết những bài thơ tuyệt vời gửi cho người thân, gửi về dĩ vãng, như bài *Hoa với rượu*, *Giờ mưa ở Huế*, *Xuân tha hương*, *Một chiều say*, *Oan nghiệt...* Đất thần kinh là nơi Nguyễn Bính chọn để đoạn tuyệt với những đón đau, những oan nghiệt cũ của tình đời:

Giờ đây cha khóc mà thương nhớ

Gửi vọng về con một chiếc hôn

Tiền cha không đủ hoàn lương mẹ

Còn lấy đâu mà nuôi nấng con?” (Oan nghiệt).

Vào Nam, Nguyễn Bính sáng tác nhiều khúc ngâm lữ thứ khác, giọng vẫn quan hoài, nhưng đã khác với giọng Huế, như *Nửa đêm nghe tiếng còi tàu*, *Nam kỳ cũng gió cũng mưa*, *Bài hành phương nam*, *Đêm mưa đất khách...* Nhưng tới Nam là tuyệt lộ rồi, không còn đi xa hơn được nữa:

Hỡi ơi! Trời đất vô cùng rộng

Nào biết tìm đâu một mái nhà?

Có như mắt Tịch xanh mà uống

Đất khách cùng đường ta khóc ta!

Mưa mãi, mưa hoài, mưa bứt rứt

Đêm dài dằng dặc, đêm bao la... (Đêm mưa đất khách, Sài Gòn, 1943)

Tất cả thơ quan hoài của Nguyễn Bính đều có giọng bi ca, nhưng gồm thâu được nhiều mối tơ, nỗi hận đất trời và tình người nhất là bài *Một con sông lạnh*.

Một con sông lạnh tuy không nổi tiếng như *Tràng giang* của Huy Cận hay *Nguyệt cầm* của Xuân Diệu, nhưng lớn lao, thơ mộng và sâu rộng hơn, âm thầm, lặng lẽ, đôn đàu như thân phận Nguyễn Bính, một Tỷ bà say, mang tâm thức Hà nội hành hương vào Huế:

Chén sầu nghiêng giữa trường giang,

Canh gà bên nó giăng sang bên này.

Khoan đàn, em hãy gắng say,

Một đêm, chỉ một đêm nay thôi mà.

Chúng tôi người bên sông xa,

Giang hồ một chuyến về qua xứ này,

Phiên em dăm bảy đường tay,

Một con sông lạnh, vài giây tơ tằm.

...Rung rung ánh nến hoen vàng,

Hơi men lắng xuống, tiếng đàn cao lên

Ô, nàng chẳng phải là em

Tôi nghe vó ngựa hoà Phiên, rõ ràng,

Dừng em, quên đây - thôi nàng

Đất Hồ xa quá, nàng sang sao đành.

Trời ơi, Hán Đế vô tình,

Tôi xin đốt cả kinh thành ấy đi...

Chưa say, em, đã say gì;

*Chúng tôi còn uống, còn nghe em đàn.
...Rung rung ánh nến hoen vàng,
Đôi giầy nức nở muôn ngàn nhớ thương.
Đôi giầy như thể đôi đường...
Em ơi, Hà Nội là phương hướng nào.
Đêm tàn chẳng có chiêm bao,
Đêm tàn có mấy chòm sao cũng tàn,
Chén sầu đổ ướt trường giang,
Canh gà bên nó giăng sang bên này.
Lạ giờ, đừng sáng đêm nay,
Đò quên cập bến, tôi say suốt đời,
Chiêu Quân lên ngựa mất rồi... (Một con sông lạnh)*

Khi vào Nam, Nguyễn Bính làm *Tỳ bà truyện*, dài 1548 câu, Nguyễn Tấn Long và Nguyễn Hữu Trọng sưu tập, đăng trong *Việt nam thi nhân tiền chiến*. Nhưng *Một con sông lạnh*, làm ở Huế, mới thực sự cô đọng hồn tỳ bà. Mọi rung động của Nguyễn Bính với người tài tử vang lên không gian, tan trong tiếng nhạc, loãng trong bầu khí mơ hồ, yêu ma, không thể có được ngoài trời Huế mù sương, nước sông Hương lạnh, say, đắm đuối:

*Rung rung ánh nến hoen vàng,
Hơi men lảng xuống, tiếng đàn cao lên
Ô, nàng chẳng phải là em*

Để rồi chìm khuất trong đáy say là nỗi nhớ không cùng, rút ra rừ tiếng tơ ai oán:

Rung rung ánh nến hoen vàng

Đôi giây nức nở muôn vàn nhớ thương.

Sự giằng co, chia cắt, bên ni, bên nớ của con người vô gia cư, không bến đỗ, lấy *nhớ* làm địa chỉ, lấy *say* làm chất bồi dưỡng tâm hồn. *Mười hai bến nước* còn là tập thơ tương tư quá khứ, là tâm sự của người “*ở Ngự Viên mà nhớ Ngự Viên*”. Ngự viên xưa là vườn Thượng uyển, nay đã trở thành xóm nhà lá, thanh vắng rợn người:

Nhọc nhàn tiếng cú trong canh vắng

Nhao nhác đàn dơi lúc đỏ đèn (Xóm Ngự Viên)

Đò Huế, sông Huế, trời Huế, mả Huế, đàn Huế, những hiện tượng hữu hình được nhà thơ ẩn hoá đi, trong âm thanh và màu sắc, làm vang lên trong âm và ngữ, rồi lắng xuống, chìm đi, như chưa bao giờ hiện hữu:

Suốt giờ không một điểm sao

Suốt giờ mực ở nơi nào loãng ra!

Lửa đò trong cái giếng hoa,

Mỡ song giục giục, canh gà te te.

Chừ đây, bên nớ bên tê,

Sương thu xuống, gió thu về bông bênh

Đàn ai chùng dít giây tình,

Nổi lên một tiếng buồn tênh rồi chìm (Lửa đò)

Nghệ thuật làm nhoè hiện tại, xoá hiện hữu, đẩy chúng đi xa, làm chúng vắng mặt đi, chính là *nghệ thuật tạo sâu*, nuôi tương tư, trong môi trường say, môi trường xót xa tuyệt vọng của Nguyễn Bính:

Cúi mặt soi gương chén rượu đầy

Bốn mắt nhuộm chung màu lữ thứ (Giời mưa ở Huế)

Chị Trúc, «*chị tôi buộc thắm giam hồng lênh đèn*» (Một chiều say) không có thật. Chị Trúc, trong thơ Nguyễn Bính, là một sáng tạo thi ca. Ở đâu cũng có hồn chị Trúc. Chị Trúc không phải là người yêu. Chị là mẹ. Chị cũng là cha. Chị là cây trúc cho hồn thơ bám rễ leo lên. Chị là địa chỉ của nỗi nhớ ở người con mất mẹ từ ba tháng tuổi. Nhưng chị cũng là hiện thân nỗi cô đơn và chị còn là đối tác của cô đơn. Nguyễn Bính tạo ra chị Trúc, để biến những tâm sự độc thoại của mình thành đối thoại, tạo khoảng cách giữa nhà thơ và chị Trúc, giữa Huế và Bắc, giữa người trong âm cúng và kẻ đi ngoài sương gió, để tưởng như có một người chờ mình ngoài Hà Nội, để mở ra một không gian lô-gíc nhớ, mà *Xuân tha hương* trở thành tâm thơ của tất cả những kẻ xa nhà khi Tết đến:

Tết này chưa chắc em về được

Em gửi về đây một tấm lòng

Ôi! Chị một em, em một chị

Giời làm xa cách mấy con sông

Em đi giang gở đời sương gió

Chị ở vương tròn phận lãnh cung

Chén rượu tha hương, trời: đắng lắm

Trăm hờn nghìn giận suốt mùa đông

Chiều nay ngòi ngắm hoàng hôn xuống

Nhớ chị làm sao nhớ lạ lòng

...

Tết này chưa chắc em về được

Em gửi về đây một tấm lòng

Tết này, ô, thế mà vui chán

Những một mình em uống rượu hồng (Xuân tha hương)

Trong «*những một mình em uống rượu hồng*» là niềm cô đơn chia hai, chia ba, chia bảy, thành *những một mình*, tìm đến say như một cõi phúc, cô đơn và say hoà quyện nhau, tan trong nhau, thành chất lỏng:

Tôi rót hồn tôi xuống đã nhiều

Hồn tôi còn được có bao nhiêu?

Những oan nghiệt trong một đời giao kết giữa say và nhớ trong thơ Nguyễn Bính, tạo nên một hồn thơ không hạnh phúc: *Nợ tình trả hết, túng dùng vay* (Giời mưa ở Huế).

Một hồn thơ trọn kiếp cô đơn: *Đâu tôi lại gói cánh tay tôi* (Oan nghiệt).

Một cô đơn tận cùng: *Bàn tay lại nắm phải bàn tay*.

Cũng hồn thơ ấy đã có lần: *Uống say cười vỡ ba gian gác. Ném cái chung tình xuống đáy sông* (Xuân tha hương),

Với bao nhiêu thất bại đắng cay: *Sòng đời thua đến trắng hai tay* (Hành phương Nam).

Nhưng có lúc vẫn sáng khoái, bất cần đời: *Vẫn dám ăn tiêu cho đến hết. Ngày mai ra sao rồi sẽ hay* (Hành phương Nam).

Một hồn thơ vừa phi phui nỗi nhớ, ném cái chung tình đi, nhưng đã trót:

Tôi vào sâu quá và xa quá

Đường lạt sương mờ lạt lá rơi

Và cũng chính hồn thơ ấy, trong sâu thẳm của hồn mình, vừa muôn đây xa nỗi nhớ, lại vừa sống vì nỗi nhớ. Tìm đến *nỗi nhớ* như một cứu cánh của cuộc đời, của tình yêu và nghệ thuật.

*

Chúng tôi không thể kết thúc sự tìm hiểu thơ Nguyễn Bính mà không nhắc đến mối duyên của Nguyễn Bính với cách mạng. Ở Nguyễn Bính dường như đã có gì đoạn tuyệt với cách mạng, không chỉ ở thời điểm Nhân Văn, mà ngay từ trước 1954. Bài "*Tỉnh giấc chiêm bao*" có hai câu thơ đa nghĩa:

Duyên nhau đã dựng Trường đình

Mẹ em đã xé tan tành gói thêu..."

"Mẹ em" đây là ai? Có thể hiểu là người mẹ vợ trong Nam. Nhưng dường như không phải. Bởi Nguyễn Bính không đem vào thơ những chi tiết cá nhân như thế. Và trong bối cảnh bài thơ, mối duyên ở đây chỉ có thể là mối duyên với cách mạng. Bài thơ mở một dấu hỏi dài về cuộc nhân duyên của Nguyễn Bính với cách

mạng, và không biết ai là người đã xé tan tành gói thêu? Khi đăng trên Giai Phẩm (và cả Trăm Hoa) thời ấy, lời thơ kín đáo, không ai để ý, nhưng ngày nay đọc lại, nó gói trọn bi kịch thầm kín của Nguyễn Bính và giải thích lý do, tại sao Nguyễn Bính trên toàn bộ Nhân Văn Giai Phẩm, chỉ có một bài thơ “hiền lành” như vậy mà bị lưu đây.

Nếu trên mặt nổi, Nhân Văn Giai Phẩm có những bài thơ đấu tranh trực tiếp của Lê Đạt, Trần Dần, Hoàng Cầm, Văn Cao, Phùng Quán... thì trên mặt chìm có thơ Nguyễn Bính. Nguyễn Bính như người anh cả, trầm lặng hơn, đau thương thầm kín hơn, ghi lại nỗi đau của chính mình, trước thời cuộc, trong bài thơ, kín đáo, ít người hiểu ra tâm sự:

Chín năm đốt đuốc soi rừng

Về đây ánh điện ngập ngừng bước chân

Cửa xưa màn trúc còn ngăn

Góc tường vẫn đọng trăng xuân thừa nào

Làng xa bản nhỏ đèo cao

Gió bay tà áo chiêm bao nửa chùng

Anh về, luyến núi thương rừng

Nhớ em, đêm sáng một vầng thủ đô

Bồi hồi chuyện cũ năm xưa

Gặp nhau lần cuối... trang thư lệ nhoà

Thư rằng: “Thôi nhé đôi ta

Tình sao không phụ mà ra phụ tình

Duyên nhau đã dựng Trường đình

Mẹ em đã xé tan tành gói thêu...”

(trích *Tình giắc chiêm bao*, Giai Phẩm Mùa Thu, Tập I, tháng 8/1956).

Tình giắc chiêm bao, nói lên sự từng trải và thâm thúy của một ngòi bút đàn anh, không sôi động, trực tiếp như Lê Đạt, Trần Dần, Nguyễn Bính ví cuộc đời chín năm cách mạng của mình như một cuộc tình ngang trái. Từ rừng sâu người kháng chiến trở về với thực tại:

*Chín năm đốt đuốc soi rừng
Về đây ánh điện ngập ngừng bước chân*

Và nhớ:

Anh về, luyến núi thương rừng

Nhớ em, đêm sáng một vùng thủ đô.

Nhưng quá khứ chỉ là giấc mộng, bởi mối tình đã vỡ:

Tình sao không phụ mà ra phụ tình

Duyên nhau đã dựng Trường đình

Mẹ em đã xé tan tành gói thêu...”

Đó là lần thứ nhất, Nguyễn Bính trải lòng nói về cách mạng.

Cuối tháng 12/1957, Nguyễn Bính làm xong một truyện dài bằng thơ 2000 câu, tựa đề *Tiếng trống đêm xuân*, toàn bài không biết phiêu bạt nơi đâu, may có một trích đoạn được in trên tuyển tập Nguyễn Bính (nxb Văn Học, 1986). Và qua trích đoạn này, chúng ta có thể hiểu Nguyễn Bính đã thuật lại bi kịch Cách mạng và Nhân Văn dưới dạng hát chèo:

Hội làng đèn đuốc như sao

Đêm chèo tiếng trống giáo đầu nổi lên

Mặt hoa quạt bướm che nghiêng

Bước ra cô nữ làm duyên đưa tình

Cùng trong chiếc chiếu giữa đình

Mà bao nhiêu cảnh nhiều tình bày ra

Đương ngực thắt hoá vườn hoa

Buồng the trống gấm hoá ra chiến trường

.....

Người xem khi giận khi thương

*Khi yêu khi ghét khi mừng khi vui
Suy ra muôn việc ở đời
Rõ ràng như tấm gương soi bóng lông
Giận thẳng bán rượu Lý Thông
Tham môi phú quý cướp công bạn hiền
Giận vua Trang dạ đảo điên
Giết người nho sĩ, ép duyên má đào
Ghét phường Lư Kỷ quyền cao
Chẳng chăm việc nước, chỉ mưu hại người
Ghét con mù Tú già đời
Buôn người trinh tiết kiếm lời mà ăn
Khinh đồ mặt nhọ Sở Khanh
Mảnh tiên Tích Việt chới quanh đờn nào
Khinh tên bố vợ họ Hầu
Hối hôn con gái ra màu bạc đen
Thương nàng Thị Kính oan khiên
Đã nương cửa Phật chưa yên tội đời
Thương Kiều tài sắc vẹn đôi
Chuộc cha mười mấy năm trời gian truân”.*

Nhà thơ ghi lại những bộ mặt ái ó trên diễn đàn chính trị và văn học, như một vở tuồng chèo trên sân khấu. Nguyễn Bính trong màn kịch cuối cùng, vẫn giao lưu hai dòng thơ *ngâm khúc* và *truyện nô*, vẫn dùng ngôn ngữ hàng ngày, cho nên ông đã tạo ra một địa bàn đời rất rộng, mà những nhà thơ đương thời, không mấy ai đạt được. Thơ Nguyễn Bính đi sâu vào sinh hoạt đời sống, vào phong tục của dân quê, đám cưới đám ma, rượu chè đình đám, vào những cuộc đi, vào địa hình sông núi. Cả đến những bức tranh thời sự, về thời kỳ Nhân Văn Giai Phẩm ông do

tay ông vẽ lại, trong thơ. Nhưng, những gì Nguyễn Bính viết ra, không biết còn giữ lại được bao nhiêu, hay cũng đã ít nhiều bị xoá sổ?

Thụy Khuê, tháng 3/2009

Chú thích: (1) Hoài Thanh thích thơ Xuân Diệu. Xuân Diệu là nhà thơ “có học”, lại tinh thành, có những câu thơ rất Tây, y như dịch từ tiếng Pháp: *Yêu là chết ở trong lòng một ít*, hay *Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ*, hoặc: *Hãy sát đôi đầu! Hãy kẻ đôi ngực!* Đặc biệt câu *Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi* được rất nhiều người ca tụng, Anh Thơ thuộc lòng. Có lẽ cũng nhờ nhà phê bình Hoài Thanh hết lời ca ngợi một hồn thơ “say đắm tình yêu” mà Xuân Diệu trở thành nhà thơ số một của tình yêu.

Thật ra, thơ tình của Xuân Diệu hơi hợt, vì ông là người đồng tính, không thể yêu con gái. André Gide đã viết được những trang về tình trai, kín đáo, tế nhị, thơ mộng và đón đầu làm rung động trái tim bao nhiêu người đọc nam cũng như nữ trên trái đất. Nhưng xã hội Pháp không giống xã hội Việt Nam, Xuân Diệu dù có muốn cũng không thể viết về tình trai được. Ông chỉ có một thơ bài tên là “*Tình trai*” với câu “*Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine*” không có gì đặc biệt. Thơ Xuân Diệu hay ở chỗ khác: tình trai của ông đã hoá thân trong mỗi *Giao cảm* mà Baudelaire gọi là *Correspondance* giữa cỏ cây, hoa lá, đất trời. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này khi viết về Xuân Diệu. Dĩ nhiên là Hoài Thanh có quyền sai lầm về Xuân Diệu và Nguyễn Bính, nhưng cái đáng trách là sau này, người ta cứ sao chép lại cái sai lầm của Hoài Thanh, trong hầu hết những bài nhận định và phê bình văn học.

Thụy Khuê

© Copyright Thụy Khuê 2008

Nguồn: <http://thuykhue.free.fr/stt/n/NguyenBinh.html>

www.vietnamvanhien.net